

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/ 2019/HNGĐ - ST

Ngày: 05- 8- 2019

V/v "tranh chấp ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diện

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Trước

2. Ông Trần Văn Hưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa:
không tham gia

Trong ngày 05 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019 về việc "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1986

HKTT: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long

Tạm trú: Trạm dừng chân M, huyện D, tỉnh Tiền Giang

2/ Bị đơn: Anh Nguyễn Văn I, sinh năm 1984

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 29/ 3/ 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh I qua quen biết đi đến kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện C cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 02/8/2007. Quá trình chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường hay cãi nhau. Chị và anh I không còn sống chung với nhau từ đầu năm 2018 đến nay. Nay Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh I

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Văn G, sinh ngày 13/11/2005 và Nguyễn Văn T, sinh ngày 14/5/2011, khi ly hôn chị L yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu Lợi cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có.

- Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo trình tự thủ tục tố tụng nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án tổng đạt thủ tục tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật

và cũng không gửi bản khai ý kiến cho tòa án

- Tại bản khai cùng ngày 10/5/2019 cháu Nguyễn Văn G, sinh ngày 13/11/2005 và Nguyễn Văn T, sinh ngày 14/5/2011 trình bày: trường hợp chị L và anh I ly hôn thì nguyện vọng của hai cháu xin được sống với chị L.

* Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt nộp trực tiếp cho tòa án ngày 15/7/2019, Chị có ý kiến như sau: Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh I. Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Văn G, sinh ngày 13/11/2005 và Nguyễn Văn T, sinh ngày 14/5/2011, khi ly hôn chị L yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu I cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: chị khai không có nợ chung.

Ngoài ra không cung cấp chứng cứ gì thêm.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn I vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị L có đơn xin giải quyết vắng mặt; anh Nguyễn Văn I vắng mặt không lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh I tiến đến hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn, phù hợp quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Chị và anh I đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng xét chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của chị L thể hiện Chị và anh I đã ly thân nhau từ đầu năm 2018 đến nay. Tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc; giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình”*. Chị và anh I không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau cùng chia sẻ công việc gia đình và Tại Khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân gia đình quy định: *“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được”*. Tại Văn bản đề nghị xác nhận tình trạng mâu thuẫn vợ chồng ngày 14/5/2019 chị L trình bày nguyên nhân mâu thuẫn do anh I không chí thú làm ăn, đi nhậu (uống rượu, bia) với bạn bè về thường hay dùng lời lẽ thô tục chửi mắng Chị nhưng phía chính quyền địa phương không biết được vụ việc do phía Chị không có trình báo. Tuy giữa Chị và anh I không có xảy ra tình trạng bạo lực gia đình và cũng không có chứng cứ để chứng minh anh I có những lời lẽ vi phạm nghiêm trọng quyền nghĩa vụ của chị nhưng tình trạng hôn nhân của Chị và anh I đã lâm vào tình trạng trầm trọng vì anh chị

không còn sống chung với nhau hơn một năm nay làm cho mục đích hôn nhân không đạt được. Tại đơn xin vắng mặt ngày 15/7/2019 chị L vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh I nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là có cơ sở.

[3] Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Văn G, sinh ngày 13/11/2005 và Nguyễn Văn T, sinh ngày 14/5/2011, khi ly hôn chị L yêu cầu nuôi con. Xét cháu G và cháu T đang sống cùng với chị L và được chị chăm sóc chu đáo về mọi mặt, để tránh xáo trộn về mặt tâm sinh lý của trẻ nên Hội đồng xét xử giao hai con chung là cháu G và cháu T cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở và nguyện vọng của hai cháu cũng xin được sống với chị L. Về cấp dưỡng nuôi con: chị L không yêu cầu anh I cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

Anh I có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp anh I lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh I. Ngược lại chị L cùng các thành viên gia đình Chị không được cản trở anh I trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4] Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết; về nợ chung: đương sự khai không có nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật, có trừ đi tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn I

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Văn G, sinh ngày 13/11/2005 và Nguyễn Văn T, sinh ngày 14/5/2011 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: chị L không yêu cầu anh I cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh I có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp anh I lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu

đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh I. Ngược lại chị L cùng các thành viên gia đình Chị không được cản trở anh I trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết; về nợ chung: đương sự khai không có nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị L nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), tiền án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0002280 ngày 02/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS HLH;
- Các đương sự;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Diện

TỈNH VĨNH LONG**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi 10 giờ 20 phút, ngày 05 tháng 8 năm 2019

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diện

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Trước

2. Ông Trần Văn Hưng

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 167/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019, giữa:

1/ *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1986

HKTT: ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

Tạm trú: Trạm dừng chân Minh Phát 2, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

2/ *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn I, sinh năm 1984

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn I

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Văn G, sinh ngày 13/11/2005 và Nguyễn Văn T, sinh ngày 14/5/2011 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: chị L không yêu cầu anh I cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh I có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp anh I lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh I. Ngược lại chị L cùng các thành viên gia đình Chị không được cản trở anh I trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết; về nợ chung: đương sự khai không có nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị L nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), tiền án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0002280 ngày 02/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ

Kết quả biểu quyết: 3/3

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Diện